

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1204/2023/DS-PT

Ngày: 18/12/2023

V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Quy

Các Thẩm phán: 1. Bà Vũ Thị Thu Hương
2. Bà Nguyễn Thị Anh Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đỗ Thị Vân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06 tháng 12 năm 2023 và ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 411/2023/TLPT-DS ngày 10/10/2023.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2023/DS-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8 - Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4790/2023/QĐ-PT ngày 16/10/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 15129/2023/QĐ-PT ngày 14/11/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Hoàng Thanh T, sinh năm: 1997 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số F đường L, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Trung Thanh L, sinh năm 1969 (xin vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: Hộp thư số 201 – Bưu cục Giao dịch Quốc tế S – BĐTTSG-BĐTPHCM, số A đường H, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn:

Bà Nguyễn Tuyết N, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Số E đường L, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Hà Thị Thanh T1, sinh năm 1996 và ông Dương Thoại K, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: P.303 Tòa nhà T, số A đường Đ, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Văn D (có mặt)

Địa chỉ: F Ký C, phường N, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Tuyết N

4. Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo Quyết định kháng nghị số 04/QĐ-VKS-DS ngày 25/7/2023.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Hoàng Thanh T là bà Nguyễn Trung Thanh L trình bày:

Ngày 09/4/2017, bà Nguyễn Tuyết N1 lập Giấy vay tiền có nội dung:

“...Tính đến hôm nay ngày 09/4/2017 tôi (Nguyễn Tuyết N2 nhận đã vay tổng cộng của bà Phạm Hoàng Thanh T2 tiền: 28.000.000.000 đồng (hai mươi tám tỷ đồng).

Lãi suất 1%/tháng (một phần trăm một tháng)

Tôi cam kết sẽ trả nợ gốc và lãi vay cho bà Phạm Hoàng Thanh T trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày 09/4/2017.”

Đến thời hạn trả tiền, bà Phạm Hoàng Thanh T liên lạc với bà Nguyễn Tuyết N rất nhiều lần để yêu cầu bà Nguyễn Tuyết N trả nợ gốc và lãi cho bà Phạm Hoàng Thanh T nhưng bà Nguyễn Tuyết N cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà Phạm Hoàng Thanh T. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Tuyết N3 cho bà Phạm Hoàng Thanh T số tiền nợ vốn là 28.000.000.000 đồng (hai mươi tám tỷ đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 09/3/2021 là 13.160.000.000 đồng (mười ba tỷ, một trăm sáu mươi triệu đồng). Tổng vốn và lãi là 41.160.000.000 đồng (bốn mươi mốt tỷ, một trăm sáu mươi triệu đồng). Trả một lần ngay sau khi Bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Do bị đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện hợp đồng nên tại Văn bản trình bày đề ngày 09/3/2023, bà Phạm Hoàng Thanh T thay đổi yêu cầu khởi kiện thành “đòi tài sản” là số tiền gốc 28.000.000.000 đồng (hai mươi tám tỷ đồng). Đồng thời, tại Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 19/5/2023 và Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 03/7/2023 bà Nguyễn Trung Thanh L xác định bà Phạm Hoàng Thanh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đòi tài sản là bà Nguyễn Tuyết N phải trả cho bà Phạm Hoàng Thanh T số tiền gốc đã vay theo Giấy vay tiền lập ngày 09/4/2017 là 28.000.000.000 đồng (hai mươi tám tỷ đồng). Trả một lần ngay sau khi Bản án hoặc Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Nếu chậm trả phải trả thêm lãi suất chậm thi hành án.

Nguyên đơn xác định số tiền 28.000.000.000 đồng (hai mươi tám tỷ đồng) là tài sản riêng của bà Phạm Hoàng Thanh T, không liên quan đến người khác. Bà Phạm Hoàng Thanh T cũng chỉ yêu cầu bà Nguyễn Tuyết N phải trả số tiền nêu trên mà không yêu cầu người khác liên đới trả tiền cho bà Phạm Hoàng Thanh T.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Tuyết N4 bày:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả nợ gốc và lãi xuất phát từ Giấy vay tiền ngày 09/4/2017 (thời hạn vay là 03 tháng kể từ ngày 09/4/2017), được Toà án thụ lý và ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, xác định quan hệ tranh chấp là “Hợp đồng vay tài sản”.

Như vậy, tính đến ngày nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 08/3/2021 - đã quá 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e Khoản 1 Điều 217 BLTTDS 2015 ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án do thời hiệu khởi kiện đã hết.

Trường hợp, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục tiến hành giải quyết vụ án thì đề nghị bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì bà Nguyễn Tuyết N khẳng định không vay của bà Phạm Hoàng Thanh T số tiền 28.000.000.000 (Hai mươi tám tỷ) đồng.

Do nguyên đơn không hề có chứng cứ chứng minh cho bà Nguyễn Tuyết N vay bao nhiêu lần? Mỗi lần là bao nhiêu tiền? Thời điểm vay là khi nào? Việc vay tiền diễn ra ở đâu? Hình thức vay bằng tiền mặt hay chuyển khoản giao nhận tiền như thế nào? Sao kê ngân hàng nếu chuyển khoản hoặc giấy xác nhận nhận tiền nếu giao tiền mặt để chứng minh cho việc có vay tiền theo lời nguyên đơn trình bày. Đến phiên toà, ngoài lời trình bày của nguyên đơn không có căn cứ thì nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc nguyên đơn đã giao số tiền vay 28.000.000.000 (Hai mươi tám tỷ) đồng cho bị đơn. Bị đơn thừa nhận việc bà Nguyễn Tuyết N ký tên và lấn tay vào Giấy vay tiền đề ngày 09/4/2017. Nhưng việc này không đồng nghĩa với việc bà Nguyễn Tuyết N đã nhận số tiền vay 28.000.000.000 (Hai mươi tám tỷ) đồng. Bà Nguyễn Tuyết N nhiều lần trình bày không quen biết bà Phạm Hoàng Thanh T, không hề nhận bất kỳ khoản tiền nào từ bà Phạm Hoàng Thanh T.

Đồng thời, lý giải việc ký tên và lấn tay vào Giấy vay tiền ngày 09/4/2017 là xuất phát từ thoả thuận hứa thưởng, cụ thể: Giữa Bà Nguyễn Tuyết N và ông Phạm Hoàng L1 (là cha ruột của bà Phạm Hoàng Thanh T) có thoả thuận như sau: ông Phạm Hoàng L1 sẽ giúp bà Nguyễn Tuyết N đòi lại 6.000 lượng vàng SJC từ ông Ngô Văn K1. Sau khi thực hiện công việc đạt được kết quả thì bà Nguyễn Tuyết N hứa sẽ thưởng cho ông Phạm Hoàng L1 80% giá trị tài sản thi hành án. Để làm tin cho việc hứa thưởng trên, bảo đảm việc thực hiện công việc ông Phạm Hoàng L1 có đưa cho bà Nguyễn Tuyết N ký giấy vay tiền với bà Phạm Hoàng Thanh T (là con gái ruột của ông Phạm Hoàng L1) theo đề xuất của ông Phạm Hoàng L1. Đồng thời khẳng định 28.000.000.000 (Hai mươi tám tỷ) đồng theo giấy vay tiền ngày 09/4/2017 đã bao gồm trong giá trị hứa thưởng là 80% của 6.000 lượng vàng SJC cho bà Phạm Hoàng Thanh T theo Văn bản thoả thuận chuyển giao quyền và nghĩa vụ thi hành án ngày 17/3/2020 và Biên bản thoả thuận thi hành án ngày 18/3/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi ký các văn bản chuyển giao thi hành án, bà Nguyễn Tuyết N đã yêu cầu ông Phạm Hoàng L1 trả lại giấy vay tiền, nhưng ông Phạm Hoàng L1 khẳng định sẽ tự xé bỏ, vì tin tưởng và nghĩ đây cũng chỉ là một giấy vay tiền giả tạo, thực tế không có việc vay tiền, giao nhận tiền nên bà Nguyễn Tuyết N đã không đòi lại.

Điều đáng lưu ý là, giấy vay tiền ngày 09/4/2017 có thời hạn 03 tháng đến ngày 09/7/2017 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Đến ngày 18/3/2020, tức sau gần 03 năm kể từ ngày đến hạn trả nợ vay, khi bà Phạm Hoàng Thanh T gặp bà Nguyễn Tuyết N để ký Biên bản thỏa thuận thi hành án tại Chi cục thi hành án huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long, bà Phạm Hoàng Thanh T hoàn toàn có thể yêu cầu bà Nguyễn Tuyết N thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nếu có giao dịch vay mượn trên thực tế, tuy nhiên bà Phạm Hoàng Thanh T đã không yêu cầu bà Nguyễn Tuyết N trả nợ hay kiện đòi gì. Điều đó khẳng định, việc ký giấy vay tiền là để đảm bảo và đã bao gồm trong giá trị hứa thưởng.

Tuy nhiên, việc thi hành quyết định công nhận thỏa thuận đương sự 06/2020/THA-DS chưa được thực hiện do: “người phải thi hành án không có tài sản để thi hành án, chưa có điều kiện thi hành án, chưa ghi nhận khoản nhận/thu/chi nào từ ông Ngô Văn K1 cho bà Nguyễn Tuyết N theo quyết định của Tòa án”. Căn cứ vào tài liệu do Tòa án thu thập tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện V theo Công căn số 256/CV.CCTHADS ngày 23/11/2022. Do đó, chưa thể thực hiện việc hứa thưởng như thỏa thuận ban đầu giữa bà Nguyễn Tuyết N và bà Phạm Hoàng Thanh T.

Như đã phân tích và lập luận, Giấy vay tiền đề ngày 09/4/2017 xuất phát từ thỏa thuận hứa thưởng, hoàn toàn không có việc bà Nguyễn Tuyết N vay tiền nhiều lần của bà Phạm Hoàng Thanh T như bà Phạm Hoàng Thanh T trình bày, bản chất không phải là quan hệ vay - mượn theo pháp luật dân sự. Vì vậy, phía bị đơn khẳng định hoàn toàn không có việc bà Nguyễn Tuyết N vay bà Phạm Hoàng Thanh T số tiền 28.000.000.000 (Hai mươi tám tỷ) đồng.

Do đó, phía bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 178/2023/DS-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8 đã tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Hoàng Thanh T.

Buộc bà Nguyễn Tuyết N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền là 28.000.000.000 đồng (hai mươi tám tỷ đồng) cho bà Phạm Hoàng Thanh T ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, bà Nguyễn Tuyết N có đơn kháng cáo.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 có Quyết định kháng nghị đối với Bản án số 178/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 8.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, đại diện nguyên đơn có Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành đối chất và vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đề ngày 05/12/2023 và Bản ý kiến đối với quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 25/7/2023 của Viện kiểm

sát nhân dân Quận 8 và xin được vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án đề ngày 04/12/2023

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Tuyết N là ông Lê Văn D1 trình bày: Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của bị đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về hình thức: Ngày 14/7/2023, Hội đồng xét xử sơ thẩm tuyên án, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Tuyết N có mặt tại phiên xét xử vụ án. Ngày 19/7/2023, bà Nguyễn Tuyết N có đơn kháng cáo. Căn cứ khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đơn kháng cáo của đương sự còn trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định nên được chấp nhận xem xét.

Ngày 25/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 có quyết định kháng nghị Bản án số 178/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Quận 8 theo thủ tục phúc thẩm. Căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì việc kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 là còn trong thời hạn kháng nghị.

[1.2] Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Trung Thanh L và đã có Thông báo số 16108/TB-TA ngày 04/12/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc có mặt tại phiên tòa phúc thẩm để tham gia đối chất đối giữa bà Phạm Hoàng Thanh T và bà Nguyễn Tuyết N. Bà Nguyễn Trung Thanh L có Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành đối chất và vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đề ngày 05/12/2023 và Bản ý kiến đối với quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 25/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 và xin được vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án đề ngày 04/12/2023; theo đó, bà Nguyễn Trung Thanh L đã gửi và thông báo lại cho bà Phạm Hoàng Thanh T biết về thông báo của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhưng bà Phạm Hoàng Thanh T vẫn vắng mặt. Căn cứ theo Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Về việc tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm:

Ngày 12/12/2023, sau khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử nhận được Giấy ủy quyền đề ngày 09/12/2023 của bà Phạm Hoàng Thanh T ủy quyền cho ông Phạm Hoàng L1. Xét thấy, phiên tòa đã kết thúc phần tranh luận và Hội đồng xét xử đã công bố nội dung Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành đối chất và vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đề ngày 05/12/2023 và Bản ý kiến đối với quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 25/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 và xin được vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án đề ngày 04/12/2023 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Trung T3 Loan nên Hội đồng xét xử không chấp nhận việc bà Phạm Hoàng Thanh T nộp giấy ủy quyền mới.

[2] Về nội dung:

Xét Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Tuyết N, Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 25/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận có ký với nhau Giấy vay tiền đề ngày 09/4/2017 với nội dung: “...Tính đến hôm nay ngày 09/4/2017 tôi (Nguyễn Tuyết N2 nhận đã vay tổng cộng của bà Phạm Hoàng Thanh T4: 28.000.000.000 đồng (hai mươi tám tỷ đồng). Lãi suất 1%/tháng (một phần trăm một tháng). Tôi cam kết sẽ trả nợ gốc và lãi vay cho bà Phạm Hoàng Thanh T trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày 09/4/2017”.

Theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì: Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh được việc giao nhận tiền giữa nguyên đơn và bị đơn; bà Nguyễn Tuyết N chỉ có quan hệ làm ăn với ông Phạm Hoàng L1 là cha ruột của bà Phạm Hoàng T, giữa bà Phạm Hoàng Thanh T và bà Nguyễn Tuyết N không có quan hệ hay quen biết gì trước đó.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Tuyết N trình bày, bà có tiến hành giao dịch mua bán nhà với ông Phạm Hoàng L1, theo đó ngày 10/4/2017 ông Phạm Hoàng L1 có lập, ký xác nhận và lấn tay trên “Giấy xác nhận và kết cam” với nội dung: “Tôi Phạm Hoàng L1 ... bằng văn bản này tính đến thời điểm ngày 10/4/2017 tôi xác nhận tổng số tiền tôi đã vay của bà Nguyễn Tuyết N số tiền 28.000.000.000 đồng”. Số tiền 28.000.000.000 đồng đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 572/2017/QĐST- DS ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung: “Ông Phạm Hoàng L1 có trách nhiệm trả lại cho bà Nguyễn Tuyết N số tiền 28.000.000.000 đồng ngay sau khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật”. Sau đó bà Nguyễn Tuyết N có nhờ ông giúp đỡ trong vụ kiện đòi tài sản giữa bà Nguyễn Tuyết N và ông Ngô Quốc K2 tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long và hứa thưởng cho ông Phạm Hoàng L1 80% giá trị tài sản được thi hành tương với 4.800 lượng vàng SJC. Để làm tin cho ông Phạm Hoàng L1 và tin tưởng ông Phạm Hoàng L1 nên bà ký giấy vay tiền với bà Phạm Hoàng Thanh T do ông Phạm Hoàng L1 soạn thảo và đưa cho bà Nguyễn Tuyết N ký. Thực

chất bà Nguyễn Tuyết N không quen biết bà Phạm Hoàng Thanh T, không nhận bất kỳ khoản tiền nào của bà Phạm Hoàng Thanh T, theo giấy vay này thì lãi suất là 01%/tháng nhưng bà không đóng tiền lãi vì thực chất bà không vay tiền của bà Phạm Hoàng Thanh T. Giữa hai bên thỏa thuận sau khi bà Nguyễn Tuyết N chuyển giao quyền thi hành án cho ông Phạm Hoàng L1 thì ông Phạm Hoàng L1 sẽ xé bỏ giấy vay tiền này. Tuy nhiên sau khi bà Nguyễn Tuyết N đã chuyển giao quyền thi hành án cho ông Phạm Hoàng L1 Quyết định Công nhận thỏa thuận của các đương sự số 06/2020/QĐST-DS ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long thì ông Phạm Hoàng L1 không giao lại giấy vay tiền cho bà mà nói đã xé bỏ rồi. Vì ký theo yêu cầu của ông Phạm Hoàng L1 nên từ lúc vay đến ngày khởi kiện bà ra tòa, bà Phạm Hoàng Thanh T chưa một lần yêu cầu bà thanh toán số tiền này. Lời trình bày của bà Nguyễn Tuyết N là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Phía nguyên đơn đã khai nhiều lần rằng số tiền trong Giấy vay tiền đề ngày 09/4/2017 giữa bà Phạm Hoàng Thanh T và bà Nguyễn Tuyết N thực chất là của nhiều lần nguyên đơn cho bị đơn vay trước đó dồn lại để ký xác nhận vào ngày 09/4/2017, chứ không phải là nguyên đơn cho bị đơn vay một lần duy nhất vào ngày 09/4/2017. Lời trình bày của nguyên đơn không được bị đơn thừa nhận, nguyên đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh có việc giao nhận tiền giữa nguyên đơn và bị đơn. Nguyên đơn không cung cấp được các chứng cứ chứng minh có việc giao tiền cho bị đơn như giấy giao nhận tiền, sao kê giao dịch, biên nhận giao tiền, lời khai của người làm chứng... hoặc lời khai về các lần đã cho bị đơn vay tiền trước đó. Việc vay mượn là trực tiếp giữa hai bên, không có người làm chứng. Bị đơn yêu cầu được đối chất trực tiếp với nguyên đơn nhưng nguyên đơn từ chối việc đối chất. Nguyên đơn đã không thực hiện nghĩa vụ chứng minh được quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Theo quy định tại các Điều 463, Khoản 1 Điều 465 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bên cho vay phải giao tài sản cho bên vay, bên cho vay giao tài sản cho bên vay phải đầy đủ, đúng chất lượng, số lượng vào thời điểm và địa điểm đã thỏa thuận. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc giao nhận tiền vay cũng như nhiều lần từ chối đối chất để làm rõ các tình tiết khách quan trong vụ án và vắng mặt trong quá trình xét xử tại phiên tòa sơ thẩm và phiên tòa phúc thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm xét thấy có mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự nên đã ra Quyết định đối chất số 02/2022/QĐ-ĐC ngày 07/7/2022 nhưng nguyên đơn và đại diện của nguyên đơn đều làm đơn xin vắng mặt, từ chối đối chất; Tòa án cấp sơ thẩm có Quyết định số 11/2023/QĐ-CCTLCC ngày 06/02/2023 yêu cầu bà Phạm Hoàng Thanh T có bà Nguyễn Trung T3 L là người đại diện theo ủy quyền cung cấp chứng cứ chứng minh bà Phạm Hoàng Thanh T đã giao cho bà Nguyễn Tuyết N 28.000.000.000 đồng hoặc chứng cứ chứng minh việc bà Nguyễn Tuyết N đã vay tiền của bà Phạm Hoàng Thanh T nhiều lần với tổng số tiền tính đến ngày 09/4/2017 là 28.000.000.000 đồng nhưng phía nguyên đơn không cung cấp bất kỳ tài liệu nào khác để chứng minh trình bày của mình là có căn

cứ. Tại tất cả các phiên hòa giải công khai chứng cứ và xét xử ở cấp sơ thẩm, phía nguyên đơn và đại diện của nguyên đơn cũng xin vắng mặt.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà Phạm Hoàng Thanh T có đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Trung Thanh L có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy việc vắng mặt của phía nguyên đơn là không đảm bảo việc đánh giá tài liệu chứng cứ khách quan trong việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Thông báo số 16158/TB-TA ngày 04/12/2023 về việc đề nghị bà Phạm Hoàng Thanh T có mặt tại phiên tòa phúc thẩm để tiến hành đối chất giữa nguyên đơn và bị đơn. Ngày 05/12/2023, phía nguyên đơn nộp Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành đối chất và vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và Bản ý kiến đối với quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐ-VKS-DS ngày 25/7/2023 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 và xin được vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án có nội dung như sau: Sau khi nhận được thông báo, bà Nguyễn Trung Thanh L có gửi và giải thích nội dung thông báo này cho bà Phạm Hoàng Thanh T nhưng bà Phạm Hoàng Thanh T cho rằng việc đối chất là không cần thiết và đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không tiến hành đối chất và xin được vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Cùng ngày, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có lập Biên bản làm việc với bà Nguyễn Trung Thanh L với nội dung: Xét thấy cần làm rõ nội dung giấy vay tiền ngày 09/4/2017 và làm rõ mối quan hệ giữa bà Phạm Hoàng Thanh T và bà Nguyễn Tuyết N nhưng đại diện của bà Phạm Hoàng Thanh T cho rằng các nội dung trên phía nguyên đơn đã trình bày ở Tòa án cấp sơ thẩm và bản trình bày ý kiến, bà Nguyễn Trung Thanh L không trình bày hay trả lời các nội dung nào khác và đề nghị Tòa án không tiến hành đối chất và xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

Căn cứ Điều 91, Điều 100 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 nghĩa vụ cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho yêu cầu của nguyên đơn thuộc về nguyên đơn, khi nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 28.000.000.000 đồng thì nguyên đơn phải chứng minh được nguyên đơn đã giao số tiền này cho bị đơn. Khi Tòa án nhân dân Quận 8 và Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét thấy có mâu thuẫn trong lời khai của các đương sự đã có văn bản yêu cầu tiến hành đối chất để làm rõ các tình tiết khách quan của vụ án nhưng nguyên đơn từ chối tiến hành đối chất nhưng không cung cấp được chứng cứ khác để chứng minh. Do vậy, việc nguyên đơn không cung cấp chứng cứ chứng minh thì nguyên đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp này.

Xét thấy, giữa bà Phạm Hoàng Thanh T, ông Phạm Hoàng L1, bà Nguyễn Tuyết N tồn tại hai giấy xác nhận: “Giấy xác nhận và cam kết ngày 10/4/2017” giữa bà Nguyễn Tuyết N và ông Phạm Hoàng L1 và “Giấy vay tiền ngày 09/4/2017” giữa bà Phạm Hoàng Thanh T và bà Nguyễn Tuyết N đều có cùng nội dung xác nhận tính đến thời điểm ký các bên đã giao nhận tiền vay 28.000.000.000 đồng, với mức lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 03 tháng. “Giấy xác nhận và cam kết ngày 10/4/2017” giữa bà Nguyễn Tuyết N và ông Phạm Hoàng L1 đã được Tòa án nhân dân Quận 12 giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 572/2017/QĐST- DS ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Quyết định này đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, có cơ sở xác định ông Phạm Hoàng L1 đã nhận

vay số tiền 28.000.000.000 đồng của bà Nguyễn Tuyết N. “Giấy vay tiền ngày 09/4/2017” giữa bà Phạm Hoàng Thanh T và bà Nguyễn Tuyết N thể hiện: ngày ký vay là trước ngày ông Phạm Hoàng L1 vay 28.000.000.000 đồng của bà Nguyễn Tuyết N (ngày 10/4/2017); Trong khi ông Phạm Hoàng L1 và bà Phạm Hoàng Thanh T có mối quan hệ cha con; Đồng thời, ông Phạm Hoàng L1 cũng thừa nhận có giao dịch làm ăn với bà Nguyễn Tuyết N và việc bà Nguyễn Tuyết N biết bà Phạm Hoàng Thanh T là thông qua ông Phạm Hoàng L1, nên không có lý do gì bà Phạm Hoàng Thanh T cho bà Nguyễn Tuyết N vay để sau đó bà Nguyễn Tuyết N lại cho cha của bà Phạm Hoàng Thanh T (là ông Phạm Hoàng L1) vay; bà Nguyễn Tuyết N trình bày bà không có giao dịch hay làm ăn gì với bà Phạm Hoàng Thanh T. Mặt khác, nguyên đơn bà Phạm Hoàng Thanh T cũng như bà Nguyễn Trung T3 L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều vắng mặt, không thực hiện yêu cầu đối chất của Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm mà không có lý do chính đáng. Thực tế, bà Nguyễn Tuyết N không trả bất kỳ khoản lãi nào cho bà Phạm Hoàng Thanh T và bà Phạm Hoàng Thanh T cũng chưa từng yêu cầu trả nợ dù rằng Giấy vay tiền chỉ có thời hạn 03 tháng, thậm chí ngay cả tại thời điểm các bên cùng thỏa thuận chuyển giao 80% quyền thi hành án thì bà Phạm Hoàng Thanh T cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền 28.000.000.000 đồng, mãi cho đến năm 2022 mới khởi kiện. Qua đó cho thấy trình bày của bị đơn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ, tình tiết khách quan trong vụ án, có cơ sở xác định việc vay tiền giữa bà Phạm Hoàng Thanh T và bà Nguyễn Tuyết N là không có thật.

Nguyên đơn chỉ căn cứ vào Giấy vay tiền đề ngày 09/4/2017 ký giữa nguyên đơn và bị đơn là chứng cứ duy nhất để yêu cầu bà Nguyễn Tuyết N trả tiền. Theo bà Phạm Hoàng Thanh T số tiền 28.000.000.000 đồng (hai mươi tám tỷ đồng) cho bà Nguyễn Tuyết N vay là của nhiều lần cho vay trước đó cộng dồn lại và xác nhận bằng Giấy vay tiền đề ngày 09/4/2017. Tuy nhiên việc giao nhận tiền giữa bà Phạm Hoàng Thanh T và bà Nguyễn Tuyết N không có người chứng kiến, bà Phạm Hoàng T5 không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho những lần vay và những lần giao tiền trước đó cũng như không làm rõ được tổng số tiền 28.000.000.000 đồng này bao gồm của những lần vay nào, vay bao nhiêu lần, mỗi lần vay bao nhiêu tiền, thời điểm vay, diễn biến, địa điểm giao tiền, số tiền vay bao nhiêu, giao nhận tiền như thế nào; trong 28.000.000.000 đồng tỷ này có cộng tiền lãi vào hay chưa? Chứng cứ này mâu thuẫn với lời khai của chính nguyên đơn, không đủ căn cứ chứng minh nguyên đơn có giao tiền hay tài sản khác cho bị đơn, không đủ căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Như vậy Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn 28.000.000.000 đồng là chưa phù hợp.

Xét kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 là có căn cứ nên chấp nhận; xét lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Hoàng Thanh T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 136.000.000đ (một trăm ba mươi sáu triệu đồng), được trừ 74.580.000đ (bảy mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/ 0000128 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành

án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Hoàng Thanh T còn phải nộp thêm số tiền án phí là 61.420.000 đồng.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: không ai phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Tuyết N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 178/2023/DS-ST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân Quận 8 - Thành phố Hồ Chí Minh

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Hoàng Thanh T yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Tuyết N phải thanh toán cho bà Phạm Hoàng Thanh T số tiền 28.000.000.000 đồng (hai mươi tám tỷ đồng) theo Giấy vay tiền ngày 09 tháng 4 năm 2017.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Hoàng Thanh T phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 136.000.000 đồng (một trăm ba mươi sáu triệu đồng) được trừ 74.580.000đ (bảy mươi bốn triệu, năm trăm tám mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0000128 ngày 01/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Hoàng Thanh T còn phải nộp thêm số tiền án phí là 61.420.000 đồng (sáu mươi một triệu bốn trăm hai mươi triệu đồng).

Việc thực hiện khi án có hiệu lực; tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Án phí dân sự phúc thẩm: Không ai phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP (T/20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Quy